

Về việc Cung cấp báo giá và tiến độ cung cấp van và phụ kiện các loại phục vụ sửa chữa Tổ máy số 3 Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh.

Kính gửi: Các nhà thầu quan tâm

Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng và hợp tác.

Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh có nhu cầu mua sắm một số vật tư van và phụ kiện các loại phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống thiết bị Tổ máy số 3 của Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh vào năm 2024.

Bằng văn bản này, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh đề nghị Quý Công ty báo giá và tiến độ cung cấp các vật tư thiết bị với chủng loại và số lượng như Phụ lục 01 kèm theo. Nội dung báo giá cần đầy đủ thông tin theo mẫu, ghi rõ hiệu lực của báo giá (*VD: Báo giá có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày phát hành*) và phải được gửi đến Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh trước 15/04/2023.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác và văn bản trả lời sớm nhất của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các Phòng KT, KHVT, TCKT;
- Bộ phận IT đăng tải lên Website Cty;
- Lưu VT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lê Việt Cường

PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC HÀNG HÓA
(Kèm theo Văn bản số/NĐQN-KHVT ngày/04/2023)

TT	Danh mục hàng hóa	Mã hiệu, thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tiến độ cấp hàng
1	Cụm van cân bằng cổ góp silo	Mã ký hiệu: Equalizer Valve for Pneumatic Style III. Thông số kỹ thuật: Actuator: Double-acting, rotary-type directly mounts on gate shaft Differential pressure: Vacuum-pressure system: 30 psi Solenoid valves: 220 volt/50 Hz; 240 volt/50 Hz Temperature rating: Sealant, grease and packing to 500F (260C); valve body to 750F (398C) Valve size: Upper port: 2.5 in. NPT female threads; Lower flange: universal Visual inspection port: 4 in. NPT		Bộ	01		
2	Van an toàn	Mã ký hiệu: A41H-25 Thông số kỹ thuật: DN250, PN1.6Mpa, nhiệt độ 300 độ C. Kết nối mặt bích. Đường ống đầu vào phi 273, đường ống đầu xả phi 219.		Cái	01		
3	Van bẫy hơi	Mã ký hiệu: CS41H-25C Thông số kỹ thuật: DN25, 2,5Mpa 400 độ C		Cái	01		
4	Van bi tay gạt nổi bích	Mã ký hiệu: Model: Q41F-16R Thông số kỹ thuật: DN80; PN 1.6MPa; 200 độ C; Vật liệu: SUS316L		Cái	01		
5	Van bi tay gạt nổi ren trong	Mã ký hiệu: Model: Q11F-16R Thông số kỹ thuật: DN15; PN 1.6MPa; 200 độ C; Vật liệu 316		Cái	01		
6	Van cầu tay quay nổi bích	Mã ký hiệu: Model: J41H-40C Thông số kỹ thuật: DN20; PN 4.0MPa; 425 độ C; Vật liệu: WCB		Cái	01		
7	Van cầu tay quay nổi hàn	Mã ký hiệu: Model: J61Y-P55/195V Thông số kỹ thuật: DN25; PN 32MPa; 550 độ C; Vật liệu: 12Cr1MovA		Cái	01		
8	Van cổng điều khiển khí nén	Mã ký hiệu: Model: QDZF641H-10C Thông số kỹ thuật: DN200; PN1.0; Vật liệu: SUS304; Nối bích		Bộ	01		

TT	Danh mục hàng hóa	Mã hiệu, thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tiến độ cấp hàng
9	Van dao khí nén (đầu ra ejector thải xỉ)	Model: XV: Art No.XEV020A46O00; Seri No.2007-153336-4879 DN200 PN10 (Actuators: Double- and single-acting pneumatic cylinders AC-160)		Bộ	01		
10	Van điều khiển khí nén, nổi hàn	Size: DN50 (2""), Class 2500, flow: 16000 kg/h, Matl: A-217 WC9, ΔP: 4 Mpa.General description: Severe Duty, Globe valve, design pressure = 430.9 bar at temperature = 40°C, max allow service temperature = 490°C, straight flow.Characteristic of trim: Modified parabolicPipe connection: Butt weldingActuator: Pneumatic with handweel on Top mounted, spring opening"		Chiếc	01		
11	Van màng điều khiển khí nén nổi bích	Mã ký hiệu: Model: EG641J-10 Thông số kỹ thuật: DN100; PN 1.0MPa; 100 độ C; Vật liệu: WCB+Lót cao su		Cái	01		
12	Van màng tay quay nổi bích	Mã ký hiệu: Model: EG41J-10 Thông số kỹ thuật: DN100; PN 1.0MPa; 100 độ C; Vật liệu: WCB+Lót cao su		Cái	01		
13	Van một chiều	Kích cỡ: 1-1/2"" Vật liệu: Nhựa UPVC Loại van: Lá lật Kiểu lắp: Nổi rắc co Áp lực làm việc: PN16"		Cái	01		
14	Bộ ruột của van/Trim Assembly-LP Isolation Trim (TP4Y202-0)	Mã ký hiệu: TPS12673		Bộ	01		
15	Đế van	Mã ký hiệu: Part number: S2240099016 của bơm định lượng MBH101 –MiltonRoy Thông số kỹ thuật: Vật liệu: SUS 316		Cái	01		
16	Thân van	Mã ký hiệu: Part number: S2920054016 của bơm định lượng MBH101 –MiltonRoy Thông số kỹ thuật: Vật liệu: SUS 316		Cái	01		
17	Van	Mã ký hiệu: Model 316NB-GM Thông số kỹ thuật: DN6 32Mpa 650 độ C, SUS 316		Cái	01		
18	Van	Mã ký hiệu: J41T-16 Thông số kỹ thuật: Kiểu Van cầu; DN80 PN16 WCB		Cái	01		

TT	Danh mục hàng hóa	Mã hiệu, thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tiến độ cấp hàng
19	Van	Mã ký hiệu: J41T-16 Thông số kỹ thuật: Kiểu Van cầu; DN100 PN16 WCB		Cái	01		
20	Van	Mã ký hiệu: Type 375 Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ: DN40 - Vật liệu: Nhựa UPVC - Kiểu lắp: Nối rắc co - Áp lực làm việc: 150 psi - Kiểu: Van bi		Cái	01		
21	Van an toàn	Mã ký hiệu: A21W- 15P Thông số kỹ thuật: DN 15, SUS 304 PN 1.6 Mpa		Cái	01		
22	Van an toàn	Mã ký hiệu: 21W- 40P Thông số kỹ thuật: DN15, PN 4.0Mpa, SUS 304		Cái	01		
23	Van an toàn	Mã ký hiệu: Part number: 1010021406 của bơm định lượng MBH101 -MiltonRoy		Cái	01		
24	Van an toàn	Mã ký hiệu: 500580 Thông số kỹ thuật: Chi tiết số 2 tại bản vẽ SRC-S-255_285_305 Rotor housing, thuộc bản vẽ cấu tạo máy nén model SRC-S-255_285_305 của hãng sản xuất Refcom		Cái	01		
25	Van an toàn hệ thống dầu bypass cao áp	Mã ký hiệu: L11-11097-00003, DB10-1-31/31.5XV/V		Cái	01		
26	Van an toàn hệ thống dầu bypass hạ áp	Mã ký hiệu: DB/DP1-1-3/31.5V, C927/14		Cái	01		
27	Van bi điều khiển	Mã ký hiệu: DN65; dòng điện 65A; Vật liệu: inox 304, 316 Kết nối: Lắp mặt bích; Điện áp sử dụng: 24V, 220V"		Cái	01		
28	Van bi nhựa	Vật liệu: uPVC hai đầu rắc co DN 90		Cái	01		
29	Van bi nhựa PVC	- Kích thước: DN40; Tay vận - Môi trường sử dụng: Nước, khí, chất lỏng,.. - Nhiệt độ làm việc: 0 độ C – 80 độ C - Vật liệu chế tạo van: Nhựa PVC - Gioăng làm kín: EPDM, PTFE - Kiểu kết nối: nối trực tiếp"		Cái	01		

TT	Danh mục hàng hóa	Mã hiệu, thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tiến độ cấp hàng
30	Van bi nhựa PVC	- Kích thước: DN60; Tay vặn - Môi trường sử dụng: Nước, khí, chất lỏng,.. - Nhiệt độ làm việc: 0 độ C – 80 độ C - Vật liệu chế tạo van: Nhựa PVC - Gioăng làm kín: EPDM, PTFE - Kiểu kết nối: nối trực tiếp"		Cái	01		
31	Van bi tay gạt nổi bích	Mã ký hiệu: Q41F-16R Thông số kỹ thuật: DN25, PN1.6Mpa, 200°C, SS316		Cái	01		
32	Van bi tay gạt nổi bích	Mã ký hiệu: Model: Q41F-16P Thông số kỹ thuật: DN15; PN 1.6MPa; 200 độ C; Vật liệu: SUS304		Cái	01		
33	Van bi tay gạt nổi bích	Mã ký hiệu: Model: Q41F-16R Thông số kỹ thuật: DN15; PN 1.6MPa; 200 độ C; Vật liệu: SUS316L		Cái	01		
34	Van bù thủy lực	Mã ký hiệu: Part number: H72373 của bơm định lượng MBH101 -MiltonRoy		Cái	01		
35	Van cánh bướm tay gạt	- Kích thước van: DN125 - Vật liệu: uPVC - Gioăng làm kín: EPDM - Tiêu chuẩn lắp bích: BS - Kiểu vận hành: Dạng tay gạt - Đĩa van: EPDM - Chất liệu trục: thép không gỉ - Nhiệt độ:-10 ~110 độ C - Áp suất làm việc: PN10 - Kiểu lắp: Lắp bích		Cái	01		
36	Van cánh bướm tay gạt	- Kiểu vận hành: Vận hành bằng tay gạt - Kích cỡ van: DN100 - Chất liệu: Toàn thân inox - Gioăng đệm làm kín: EPDM - Tiêu chuẩn lắp bích: BS - Áp lực làm việc: PN10 - Nhiệt độ làm việc: 0 – 180°C - Kiểu lắp: Lắp bích		Cái	01		
37	Van cánh bướm, tay gạt nổi bích	Mã ký hiệu: Model: D71H-16P Thông số kỹ thuật: DN100, PN16, SUS304		Cái	01		

TT	Danh mục hàng hóa	Mã hiệu, thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tiến độ cấp hàng
38	Van cầu tay quay nổi hàn	Mã ký hiệu: GIL0A01BW-2.5 ANSI 2500 Thông số kỹ thuật: Size 2,5", Body A105 + STL, Disc A276 410 + STL, Stem A276 410, Seal ring: Flexible graphite + SS, Packing: Flexible graphite + SS, Design standard ASME B16.34, End connection: ASME B16.25, Hydrotest pressure: Shell test: 63,9 Mpa, Seat test: 46,9 Mpa		Cái	01		
39	Van cầu tay quay nổi hàn	Mã ký hiệu: GIL0A01BW-2 ANSI 2500 Thông số kỹ thuật: Size 2", Body A105 + STL, Disc A276 410 + STL, Stem A276 410, Seal ring: Flexible graphite + SS, Packing: Flexible graphite + SS, Design standard ASME B16.34, End connection: ASME B16.25, Hydrotest pressure: Shell test: 63,9 Mpa, Seat test: 46,9 Mpa		Cái	01		
40	Van cầu tay quay nổi hàn	Mã ký hiệu: GIL0A01BW-1.25 ANSI 2500 Thông số kỹ thuật: Size 1.25", Body A105 + STL, Disc A276 410 + STL, Stem A276 410, Seal ring: Flexible graphite + SS, Packing: Flexible graphite + SS, Design standard ASME B16.34, End connection: ASME B16.25, Hydrotest pressure: Shell test: 63,9 Mpa, Seat test: 46,9 Mpa		Cái	01		
41	Van cầu tay quay nổi hàn	Mã ký hiệu: GIL3A01BW-1 ANSI 300 Thông số kỹ thuật: Size 1" Body: A105+STL, Disc: A276 410+STL, Stem A276 410; Packing: Flexible graphite + SS, Design standard: ASME B16.34, End connection: ASME B16.25, Hydrotest pressure: Shell: 7.7 Mpa, Seat 5.7 Mpa		Cái	01		
42	Van cầu tay quay nổi hàn	Mã ký hiệu: Model: GILAA03BW-2 ANSI 2500, Thông số kỹ thuật: Size 2" Body: A182 F22 Cl.3+STL, Disc: A276 410+STL, Stem A182 FXM-19; Seal ring: Flexible graphite + SS, Packing: Flexible graphite + SS, Design standard: ASME B16.34, End connection: ASME B16.25, Hydrotest pressure: Shell: 64.7 Mpa, Seat 47.4 Mpa		Cái	01		

TT	Danh mục hàng hóa	Mã hiệu, thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tiến độ cấp hàng
43	Van cầu tay quay nổi hàn	Mã ký hiệu: Hãng: Velan Thông số kỹ thuật: - Kiểu van cầu chặn chữ Y, Thân và nắp van đúc nguyên khối (Bonnetless) - Kích cỡ van : Size 2-1/2" - W09-9076Z-06TS - Vật liệu thân: Thép Rèn ASTM A182 F22 - Cấp áp suất : Class 2680- Kiểu kết nối: Van Hàn Socket- Vật liệu Trim: Wedge/Disc Surface: CoCr alloy (HF), Seat Surface: CoCr alloy (HF), Stem: 13Cr(410)+Disc được đúc nguyên khối vật liệu cứng CoCr alloy (HF) - Solid sterlite disc - Cơ cấu vận hành bằng tay - Manual valve- Zero Leakage. Max working temperature: 593°C"		Cái	01		
44	Van clo	Mã ký hiệu: QF10 Thông số kỹ thuật: - Chất liệu : Đồng hợp kim - Nhiệt độ làm việc : +120 độ C - Áp suất max : (test : 22.5 Mpa) - Áp suất làm việc : 150 Bar		Cái	01		
45	Van cổng điều khiển khí nén	Mã ký hiệu: Model: Z641W-16P Thông số kỹ thuật: DN350; PN1.6 Mpa; Vật liệu: SUS316; Nối bích		Cái	01		
46	Van cổng điều khiển khí nén	Mã ký hiệu: Model: QDZF641F-16C Thông số kỹ thuật: DN350; PN1.6; Vật liệu: WCB; Nối bích		Bộ	01		
47	Van cổng điều khiển khí nén	Mã ký hiệu: Model: QDZF641F-10C Thông số kỹ thuật: DN400; PN1.0; Vật liệu: WCB; Nối bích		Bộ	01		
48	Van cổng tay quay	Mã ký hiệu: Model: Z41T-10Z Thông số kỹ thuật: DN65; PN1.0; Vật liệu: WCB; Nối bích		Cái	01		
49	Van dập lửa	Kích thước: chiều rộng: 1200mm; chiều cao: 600mm; chiều dài: 250mm; vật liệu tôn mạ kẽm; dày 0,8mm		Cái	01		
50	Van dập lửa	Kích thước: chiều rộng: 1100mm; chiều cao: 600mm; chiều dài: 250mm; vật liệu tôn mạ kẽm; dày 0,8mm		Cái	01		

TT	Danh mục hàng hóa	Mã hiệu, thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tiến độ cấp hàng
51	Van điều chỉnh áp suất	Mã ký hiệu: TZ02B Thông số kỹ thuật: - Vật liệu: SUS 316, - Áp suất danh định: 4.0 Mpa, nhiệt độ 0-150		Cái	01		
52	Van điều khiển	Mã ký hiệu: 1617 3155 03 Thông số kỹ thuật: Van điều khiển nằm trên cụm chi tiết 3030/tài liệu 2930163102 Máy sấy khí		Cái	01		
53	Van điều khiển điện (Không bao gồm bộ dẫn động điện)	Mã ký hiệu: Type of Valve: Globe valve, "WALWORTH" Brand Thông số kỹ thuật: "3"-5563PS-WE-347HF- F9-BS Size: "Size: 3" Type of Valve: Globe valve, ""WALWORTH"" Brand Body material: as per ASTM A217 Grade C12 Trim: Trim of SS347 Disc Seal Ring: Stainless Steel as per ASTM A276 Gr. 347 working temperature: 550°C (1022°F) Pressure Rating: 2500 # Class Pipe connection: Butt welding Operator: BS= Bare Stem with ISO Flange (without adapting plate) Leakage: Zero Leakage"		Cái	01		
54	Van điều khiển điện (Không bao gồm bộ dẫn động điện)	Mã ký hiệu: 2"-5522-SW-347HF- F9-BS Thông số kỹ thuật: "Size: 2" Body material: as per ASTM A217 Grade C12 Trim: Trim of SS347 Disc Seal Ring: Stainless Steel as per ASTM A276 Gr. 347 working temperature: 550°C (1022°F) Pressure Rating: 2500 # Class Pipe connection: Socket welding Operator: BS= Bare Stem with ISO Flange (without adapting plate) Leakage: Zero Leakage"		Cái	01		
55	Van đóng cắt ECO	Mã ký hiệu: 303150 Thông số kỹ thuật: Chi tiết số 7 tại bản vẽ optional, thuộc bản vẽ cấu tạo máy nén model SRC-S-255_285_305 của hãng sản xuất Refcom		Cái	01		
56	Van giảm áp (Gas Pressure Reducing Valves)	Mã ký hiệu: Gas Pressure Reducing Valves: Series 71P11A – 03 Thông số kỹ thuật: 10,000 PPD (200 kg/h) Maximum Chlorine		Cái	01		

TT	Danh mục hàng hóa	Mã hiệu, thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tiến độ cấp hàng
57	Van gió	Kích thước: chiều rộng: 600mm; chiều cao:400mm; chiều dài: 250mm; vật liệu tôn mạ kẽm; dày 0,8mm; tay thao tác tại chỗ		Cái	01		
58	Van Inox DN20			Cái	01		
59	Van kim tay quay nổi hàn	Mã ký hiệu: Model: J61W-320P Thông số kỹ thuật: DN10; PN 32MPa; 425 độ C; Vật liệu 304		Cái	01		
60	Van một chiều nổi bích	Mã ký hiệu: Model: H44T-10 Thông số kỹ thuật: DN300; PN1.0MPa; 200 độ C; Vật liệu: WCB+Hợp kim đồng		Bộ	01		
61	Van phun giảm ôn quá nhiệt cấp 1	Mã ký hiệu: Type: SBW-GN-2P Thông số kỹ thuật: 2" Class 2500		Cái	01		
62	Van phun giảm ôn quá nhiệt cấp 2	Mã ký hiệu: Type: SBW-GN-3P Thông số kỹ thuật: 2" Class 2500		Cái	01		
63	Van phun giảm ôn tái lạnh	Mã ký hiệu: TAG NO: SBWW-GN-5P. Thông số kỹ thuật: Class 1500, size 3", flow 40 mton/ hr		Cái	01		
64	Van tay	Mã ký hiệu: TZ31 Thông số kỹ thuật: PN0,6Mpa DN4, SUS 316		Cái	01		
65	Van tay	Van bi; vật liệu: inox 304, tay gạt nổi gen; áp lực PN16; DN65		Cái	01		
66	Van tiết lưu	Mã ký hiệu: Danfoss TEX 2		Cái	01		
67	Van tiết lưu	Mã ký hiệu: TE2-068Z3411 Thông số kỹ thuật: R404A/R507A; bao gồm cả kim		Cái	01		
68	Van xả khí tự động nổi bích	Mã ký hiệu: QB2-10 Thông số kỹ thuật: DN150, PN10, vật liệu CF8		Cái	01		